

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **291/2026/HS-ST**

Ngày: 15/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Hương**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Bích Hạnh**

Bà **Phạm Thị Thanh Miên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hoàng**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 282/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn T N**, sinh năm 1989; CCCD số: 040189017***; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKTT: Xóm A, xã B, tỉnh C; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn V T, sinh năm 1959; Con bà Lê T B, sinh năm 1963. Gia đình có X anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã,

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/9/2025

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố D. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Công ty TNHH D; Trụ sở: Số 10 đường A, phường T S H, thành phố F; Địa chỉ chi nhánh: Phòng 301, tầng 3, Maritime Bank, số 88 Láng Hạ, phường Láng, thành phố D.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương T V, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số

15, ngõ 12 Mễ Trì Hạ, phường D , thành phố D. (Có mặt)

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị B Y, sinh năm 1966 thuộc đoàn Luật sư thành phố D. (Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị TV sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 57/4 đường E, phường F, thành phố G. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Bà Trương T V, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 15, ngõ 12 Mễ Trì Hạ, phường D , thành phố D. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bà Dương T H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 41T Khu tập thể Hồng Hà, số 190 Lò Đúc, phường HBT, thành phố D. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Bà Trần Minh H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 7 ngách 10/3 ngõ 10 Láng Hạ, phường TC, thành phố D. Nay thuộc phường Giảng Võ, thành phố D. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Bà Trần Thị H V, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 4 cụm X, Tứ Liên, Tây Hồ, thành phố H. Nay thuộc phường HH, thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bà Tạ Thị Thanh Hà, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 42 ngõ 158 Nguyễn Văn Cừ, phường Long Biên, thành phố D. (Vắng mặt tại phiên tòa) - Ông Nguyễn Quốc An, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 63 ngõ 249 Đội Cấn, phường Ba Đình, thành phố D. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty CJ VN; trụ sở chính tại số 10, đường Phố Quang, phường Tân Sơn Hòa, thành phố Hồ Chí Minh) chuyên kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa quốc tế và nội địa, có chi nhánh tại Hà Nội, địa chỉ: Phòng 301, tòa nhà số 88, phố Láng Hạ, phường Láng, Hà Nội và kho hàng tại số 6, ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Tuy, thành phố D (kho HM). Ngày 30/9/2011, Chi nhánh Công ty CJ VN tại Hà Nội ký hợp đồng tuyển dụng Nguyễn T N (sinh năm 1989; trú tại Xóm A, xã B, tỉnh C) làm nhân viên thủ quỹ trong thời hạn 01 năm (từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/9/2012). Ngọc được giao quản lý két sắt số 02, đặt tại phòng 301, trụ sở Chi nhánh Công ty CJ VN tại Hà Nội và có nhiệm vụ: hàng ngày phụ trách thu tiền mặt từ kho HM và cất giữ trong két sắt số 02 của Công ty. Đến chiều thứ 4 hàng tuần, Ngọc nộp toàn bộ số tiền thu được trong 01 tuần vào tài khoản ngân hàng của Công ty CJ VN tại thành phố Hồ Chí Minh.

Quy trình thu tiền hàng ngày của Nguyễn T N cụ thể như sau: Từ 18 giờ đến 21 giờ hàng ngày, bà Dương T H (sinh năm 1979; trú tại: Số 41, khu tập thể Hồng Hà, số 190 phố Lò Đúc, phường HBT, Hà Nội) là nhân viên kho HM của Công ty sẽ

tổng hợp số tiền mặt thu được trong ngày rồi giao cho bà Trần Minh H (sinh năm 1960; trú tại: Số 7, ngách 10/3 ngõ 10, phố Láng Hạ, phường Giảng Võ, Hà Nội) là nhân viên Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Quốc Đô (Công ty ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH Dtrong việc vận chuyển tiền) để chuyển tiền từ kho HM về giao cho Nguyễn T N. Việc giao tiền giữa bà Thu Hằng và bà Minh H có lập biên bản, còn khi nhận tiền từ bà Minh Hằng, Ngọc sẽ lập phiếu thu, có chữ ký của cả hai. Sau khi nhận tiền, Ngọc sẽ cho vào két số 02 do mình quản lý và vào sáng ngày hôm sau, bà Trần Thị H V (sinh năm 1980; trú tại tổ 3, cụm 1, phường Hồng Hà, Hà Nội) là thủ quỹ khác của Công ty sẽ lập phiếu thu với Ngọc, thể hiện Ngọc nộp số tiền đã nhận vào tối hôm trước từ kho HM cho bà Vân để theo dõi thu chi trên hệ thống phần mềm kế toán, còn tiền mặt vẫn do Ngọc quản lý trong két số 02 của mình. Đến thứ 4 hàng tuần, Ngọc sẽ mang toàn bộ số tiền thu được từ thứ 4 tuần trước đến thứ 3 tuần này ra ngân hàng để nộp vào tài khoản số 0071000776226 mở tại Ngân hàng Vietcombank của Công ty CJ VN tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình làm thủ quỹ, Ngọc thường lấy tiền từ nguồn tiền thu được hàng ngày ở kho HM để sử dụng tiêu xài cá nhân, dẫn đến không có đủ tiền để chuyển vào Công ty CJ VN tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả điều tra đã xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/9/2012 đến ngày 19/9/2012, thông qua bà Trần Minh H, Ngọc đã nhận của bà Dương T H tổng số tiền 2.364.618.500 đồng, cụ thể:

- Ngày 12/9/2012, bà Minh H giao cho Ngọc số tiền 310.976.000 đồng.
- Ngày 13/9/2012, bà Minh H giao cho Ngọc số tiền 358.170.000 đồng.
- Ngày 14/9/2012, bà Minh H giao cho Ngọc số tiền 334.728.000 đồng.
- Ngày 15/9/2012, bà Minh H giao cho Ngọc số tiền 406.680.000 đồng.
- Ngày 16/9/2012, bà Minh H giao cho Ngọc số tiền 221.522.500 đồng.
- Ngày 17/9/2012, bà Minh H giao cho Ngọc số tiền 198.731.000 đồng.
- Ngày 18/9/2012, bà Minh H giao cho Ngọc số tiền 254.865.0000 đồng.
- Ngày 19/9/2012, bà Minh H giao cho Ngọc số tiền 278.946.000 đồng.

Đến ngày 19/9/2012 là hạn chuyển tiền vào Công ty CJ VN tại thành phố Hồ Chí Minh, do đã sử dụng một phần số tiền thu được vào mục đích cá nhân nên Ngọc không nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của Công ty CJ VN tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi Công ty liên lạc để yêu cầu nộp tiền thì Ngọc lấy lý do bị ốm, sau đó cắt liên lạc và bỏ trốn.

Ngày 20/9/2012, sau khi không liên lạc được với Nguyễn T N, bà Tạ Thị T H (sinh năm 1979; trú tại số 42, ngõ 158 phố Nguyễn Văn Cừ, phường Long Biên, Hà Nội; là Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty CJ VN tại Hà Nội) cùng anh Nguyễn Quốc An (sinh năm 1974; trú tại số 63 ngõ 249 phố Đội Cấn, phường Ba Đình, Hà Nội; là Trưởng phòng nhân sự của Chi nhánh Công ty CJ VN tại Hà Nội) và bà Trần Thị H V đã tiến hành mở két sắt số 02 do Ngọc quản lý, kết quả trong két còn lại số tiền

646.528.000 đồng. Như vậy, số tiền Nguyễn T N đã chiếm đoạt của Công ty là 1.718.090.500 đồng. Ngày 21/9/2012, đại diện Công ty CJ VN là bà Nguyễn Thị Thảo Viên (sinh năm 1975, trú tại số 57/4 đường Bàu Cát, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh) đã trình báo sự việc đến Công an phường Láng Hạ, quận Đống Đa (cũ), Hà Nội.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các biên bản giao nhận tiền giữa bà Dương T H với bà Trần Minh H và các phiếu thu giữa Ngọc với bà Trần Minh H và bà Trần Thị H V trong thời gian từ ngày 12/9/2012 đến ngày 19/9/2012, phù hợp với nội dung vụ án.

Ngày 23/12/2012, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án hình sự và ngày 07/02/2013 đã khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn T N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do Ngọc bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã.

Ngày 26/9/2025, Nguyễn T N bị bắt theo Quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn T N khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối với số tiền 1.718.090.500 đồng chiếm đoạt của Công ty CJ VN, Ngọc đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH E là chị Trương T V (sinh năm 1997; trú tại số 15, ngõ 12, phố Mễ Trì Hạ, phường D, Hà Nội) yêu cầu Nguyễn T N trả lại số tiền 1.718.090.500 đồng đã chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 227/CT-VKSHN-P2 ngày 19/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D đã truy tố Nguyễn T N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Nguyễn T N đã khai nhận việc truy tố và xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người đại diện theo ủy quyền cho Công ty TNHH E) chị Trương T V đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo Nguyễn T N có trách nhiệm trả lại số tiền 1.718.090.500 đồng đã chiếm đoạt.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố D sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn T N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Do Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt cao nhất là tù Chung thân, còn Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2025) có khung hình phạt cao nhất là 20 năm tù, nên cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị can, bị cáo để truy tố Nguyễn T N theo khoản 4, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn T N đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị

cáo Nguyễn T N từ 14 đến 15 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2025. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn T N có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH E số tiền 1.718.090.500 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn T N trình bày quan điểm: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự để bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất. Do bị cáo còn trẻ, ham chơi, trong công tác quản lý của Công ty có sơ hở nên bị cáo đã thuận lợi lấy đi số tiền rất lớn trong khoảng thời gian ngắn để tiêu sài cá nhân.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ nhất mức hình phạt và cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người liên quan...

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố là đúng người, đúng tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Từ tháng 10/2012, Chi nhánh Công ty TNHH D (nay là Công ty TNHH E) tại Hà Nội tuyển dụng Nguyễn T N làm nhân viên thủ quỹ, được giao nhiệm vụ hàng ngày thu tiền từ kho hàng của Công ty ở HM chuyển đến, sau đó cất giữ vào két sắt để thứ 4 hàng tuần sẽ nộp vào tài khoản của Công ty mở tại Ngân hàng

Vietcombank. Kết quả điều tra xác định, trong thời gian từ ngày 12/9/2012 đến ngày 19/9/2012, Ngọc đã thu tổng số tiền 2.364.618.500 đồng từ kho HM, nhưng không nộp vào tài khoản ngân hàng của Công ty theo quy định mà bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền 1.718.090.500 đồng.

Ngày 07/02/2013, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn T N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do Ngọc bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã. Ngày 26/9/2025, Nguyễn T N bị bắt theo quyết định truy nã.

Do Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt cao nhất là tù Chung thân, còn Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2025) có khung hình phạt cao nhất là 20 năm tù, nên cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Nguyễn T N theo khoản 4, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn T N đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Xét tính chất mức độ thì hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây nên sự bất bình, tâm lý hoang mang trong dư luận nhân dân nên cần xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo lần đầu bị đưa ra xét xử, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những vấn đề khác: Không.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn T N chưa bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH E yêu cầu bị cáo Ngọc phải bồi thường số tiền 1.718.090.500đ bị chiếm đoạt là có căn cứ. Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn T N phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.718.090.500đ cho Công ty TNHH E.

[7] Án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự của số tiền 1.718.090.500đ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố **Nguyễn T N** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[2]. Áp dụng: Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3]. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn T N 13** (mười ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo **Nguyễn T N**.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn T N** phải bồi thường số tiền 1.718.090.500đ (*Một tỷ bảy trăm mười tám triệu không trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng*) cho Công ty TNHH E.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2,6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5]. Về xử lý vật chứng: Không

[6]. Án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án và danh mức án phí lệ phí Toà án ngày 30/12/2016:

Bị cáo Nguyễn T N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 63.542.715 đồng (*Sáu mươi ba triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm mười lăm đồng*) án phí dân sự của số tiền phải bồi thường.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố D;
- VKSNDTP - Hà Nội;
- VKSND Khu vực 2 - Hà Nội;
- Công an thành phố D;
- THADSTP. Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP và hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Hương



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

